

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày 17-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Anh

Bà Trần Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Trường Trung học phổ thông huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2024/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Tô Văn D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02 tháng 6 năm 1967 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn B - Bản N, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tô Văn L (đã chết) và bà Dương Thị T (đã chết); vợ: Hứa Thị C; con: Có 03 người con; tiền án: có 01 - Tại Bản án số 40/2018/HS-ST ngày 22-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không có; nhân thân: Đã bị xử lý hình sự; bị tạm giữ từ ngày 19-9-2024, tạm giam từ ngày 28-9-2024 đến nay; có mặt.

- Người làm chứng:

- Anh Lương Văn T1; có mặt.
- Ông Tàng Văn T2; vắng mặt.
- Anh Đinh Văn D1; vắng mặt.
- Anh Đinh Văn D2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 15 phút, ngày 19-9-2024, Tổ công tác Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện 01 (một) ngôi nhà có biểu hiện thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Nên đã tiến hành kiểm tra và thu giữ của Tô Văn D: 02 (hai) gói giấy màu trắng bên trong các gói giấy đều đựng các cục chất bột màu trắng. 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh. 09 (chín) mẫu giấy màu trắng. Tiến hành khám xét chỗ ở của Tô Văn D và thu giữ: Số tiền 2.300.000 đồng. 01 (một) chiếc kéo. 01 (một) Căn cước công dân. 01 (một) gói giấy màu trắng bên trong có các cục chất bột màu trắng nghi là chất ma túy. 15 (mười lăm) mảnh giấy màu trắng.

Quá trình điều tra, xác định: Tô Văn D là người nghiện ma túy. Để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy cho bản thân, Tô Văn D đã nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại cho những người nghiện khác để kiếm lời. Tô Văn D mua ma túy Heroin của một người phụ nữ (không biết tên, tuổi, địa chỉ) tại khu vực Trung tâm y tế huyện C, tỉnh Lạng Sơn bốn đến năm lần (không nhớ thời gian cụ thể). Tô Văn D chỉ nhớ lần gần nhất là vào ngày 15-9-2024, mua ma túy Heroin với số tiền 500.000 đồng, được một cục ma túy Heroin. Tô Văn D mang về nhà chia được 20 (hai mươi) gói ma túy nhỏ. Từ ngày 15-9-2024 đến ngày 19-9-2024, Tô D đã bán được 07 (bảy) gói ma túy, bản thân sử dụng hết 10 (mười) gói ma túy, còn 03 (ba) gói ma túy chưa kịp sử dụng và bán thì bị phát hiện bắt quả tang. Tô Văn D đã bán ma túy cho những người sau:

Bán cho Lương Văn T1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn B - Bản N, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhiều lần (không nhớ thời gian cụ thể) mỗi lần bán 01 (một) gói ma túy với giá 100.000 đồng. Lần gần nhất vào khoảng 21 giờ ngày 16-09-2024, bán 01 (một) gói ma túy với giá 100.000 đồng.

Bán cho Tàng Văn T2, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhiều lần (không nhớ thời gian cụ thể) mỗi lần bán 01 (một) gói ma túy với giá 100.000 đồng. Lần gần nhất là cách đây khoảng một tháng (không nhớ ngày và địa điểm cụ thể), bán 03 (ba) gói ma túy với giá 300.000 đồng. Tô Văn D đã tiêu xài hết số tiền 300.000 đồng.

Bán cho Đinh Văn D1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhiều lần (không nhớ thời gian cụ thể) mỗi lần bán 01 (một) gói ma túy với giá 100.000 đồng. Lần gần nhất là vào sáng ngày 19-9-2024, bán 01 (một) gói ma túy với giá 100.000 đồng.

Bán cho Đinh Văn D2, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhiều lần (không nhớ thời gian cụ thể) mỗi lần bán 01 (một) gói ma túy với giá 100.000 đồng. Trong các ngày 18, 19-9-2024, Đinh Văn D2 đã đưa cho Tô Văn D số tiền 500.000 đồng để mua 05 (năm) gói ma túy. Tô Văn D đã giao cho Đinh Văn D2 03 (ba) gói ma túy. Tô Văn D hẹn Đinh Văn D2 qua nhà lấy 02 (hai) gói ma túy nhưng chưa kịp giao ma túy thì bị phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, Tô Văn D khai nhận còn được bán ma túy cho nhiều người nghiện khác nhưng không biết tên, tuổi, địa chỉ và thời gian bán ma túy cho những người này.

Tại Kết luận giám định số 996/KL-KTHS ngày 23-9-2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ của Tô Văn D là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,076 gam (đã trừ bì).

Tại Kết luận giám định số 1026/KL-KTHS ngày 30-9-2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam 2.300.000 đồng được niêm phong trong phong bì gửi giám định đều là tiền thật.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKS-CL ngày 24-12-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Tô Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên Bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Tô Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng các điểm b, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Tô Văn D từ 08 năm đến 09 năm tù. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại sau giám định, 01 (một) chiếc kéo, 24 (hai mươi tư) mảnh giấy. Tịch thu, hoá giá nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, do bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Tịch thu số tiền 700.000 đồng do bán ma túy mà có. Truy thu số tiền 300.000 đồng do bị cáo bán ma túy mà có. Trả lại cho bị cáo số tiền 1.600.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận Bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng tội danh, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan. Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, một số người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do họ đều đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên và bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt một số người làm chứng theo quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Tô Văn D đã nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy cho người khác. Ngoài ra, bị cáo đã bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định của các điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 là tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 là tội phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý. Nên hành vi phạm tội của bị cáo còn thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, có đủ căn cứ kết tội bị cáo Tô Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định của các điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, đã xâm phạm quyền độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu cho xã hội, là một trong các nguyên nhân gây phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp và cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Ngoài ra, bố của bị cáo là ông Tô Văn L được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ của bị cáo là bà Dương Thị T được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về nhân thân: Bị cáo đã bị xử lý hình sự chưa được xóa án tích.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có tài sản nên có khả năng thi hành hình phạt tiền. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Đối với người bán ma túy cho bị cáo: Do Cơ quan điều tra không xác định được lý lịch, địa chỉ cụ thể nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[11] Đối với những người mua ma túy với bị cáo: Do hành vi của những người này chưa đến mức phải xử lý hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này.

[12] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đối với chất ma túy là vật cấm tàng trữ, lưu hành; những vỏ, bao gói, 24 (hai mươi tư) mảnh giấy màu trắng và 01 (một) chiếc kéo không có giá trị sử dụng thì tịch thu, tiêu huỷ. Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh thu giữ của bị cáo do được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, hoá giá nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 (một) Căn cước công dân do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với số tiền 700.000 đồng do bị cáo bán ma túy mà có thì tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 300.000 đồng do bị cáo bán ma túy mà có nhưng đã tiêu xài hết thì cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 1.600.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[14] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[15] Ý kiến của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm b, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 293, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tô Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Tô Văn D 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 19 tháng 9 năm 2024.

3. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), nộp vào

ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

4.1. Tịch thu tiêu huỷ đối với: 0,054 gam Heroin; 02 (hai) phong bì; 02 (hai) gói giấy; 24 (hai mươi tư) mảnh giấy màu trắng, kích thước khoảng 02cm x 02cm; 01 (một) chiếc kéo có cán nhựa màu xanh.

4.2. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) do bị cáo Tô Văn D bán ma tuý mà có.

4.3. Truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bị cáo Tô Văn D bán ma tuý mà có.

4.4. Tịch thu, hoá giá nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, có số IMEI 1: 865532064987932, số IMEI 2: 865532064987924, bên trong có lắp 01 (một) Sim nhà mạng Viettel.

4.5. Trả lại cho bị cáo Tô Văn D: 01 (một) Căn cước công dân mang tên Tô Văn D. Số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên được ghi chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24-12-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Bị cáo Tô Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp